CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP) như sau:

"1. Hồ sơ của tổ chức trong nước đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 04 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ đối với các tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật theo Mẫu số 05 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật;

d) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ kèm theo hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ; bản khai quá trình công tác của ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật có thời gian hoạt động thực tế tối thiểu 05 năm phù hợp với nội dung đề nghị cấp phép theo Mẫu số 05 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử hóa đơn điện tử hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu phương tiện đo, thiết bị, chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ; giấy kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo còn hiệu lực. Danh mục phương tiện đo, thiết bị, phần mềm phù hợp với nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép theo Phụ lục IC ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Trường hợp văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học, cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp được kết nối, chia sẻ thì không cần nộp các bản sao văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản này.

2. Hồ sơ của nhà thầu nước ngoài đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử quyết định trúng thầu (hoặc quyết định được chọn thầu) của chủ đầu tư, trong đó có nội dung về đo đạc và bản đồ thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép;

c) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với nhân viên kỹ thuật là người nước ngoài; hoặc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ là người Việt Nam phù hợp với số lượng và trình độ chuyên môn trong hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học, cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp được kết nối, chia sẻ thì không cần nộp các bản sao văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm này;

d) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử hóa đơn điện tử hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 46 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP) như sau:

"1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 12 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo 01 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng;

b) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học, cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp được kết nối, chia sẻ thì không cần nộp các bản sao văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm này;

c) Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu số 13 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Bản sao hoặc tệp tin bản sao điện tử giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ như sau:

"2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng dữ liệu khung quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ; dữ liệu bản đồ chuyên ngành về phòng, chống thiên tai, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu quy định tại điểm k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

c) Xây dựng dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng thuộc phạm vi quản lý;

d) Tích hợp dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

4. Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức xây dựng:

a) Dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm h và điểm 1 khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Dữ liệu hải đồ vùng nước cảng biển và luồng, tuyến hàng hải quy định tại điểm i khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

c) Dữ liệu bản đồ quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm m khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

d) Dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thuộc phạm vi quản lý.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số quy định và Phụ lục của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ

1. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 1 và khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 14; điểm b khoản 6 và điểm d khoản 7 Điều 17; khoản 2 và khoản 3 Điều 18; khoản 3 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 10 Điều 27; khoản 3 và khoản 4 Điều 28; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 33 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); điểm c khoản 2 Điều 34 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); Điều 36 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 3 Điều 37 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 12 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 1 Điều 39 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 2 Điều 40; khoản 2 Điều 41; điểm a khoản 2 Điều 43; khoản 2 Điều 45; điểm a khoản 3 Điều 46 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 52 của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; khoản 1 Điều 4 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP; Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

b) Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP;

c) Thay thế cụm từ “tài nguyên và môi trường” bằng cụm từ “nông nghiệp và môi trường” tại điểm b khoản 4 và khoản 4a Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 3 Điều 12; khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17; khoản 4 Điều 18; khoản 10 Điều 27; điểm b khoản 1, điểm b và điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 33 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 2 Điều 36; điểm b khoản 3 Điều 37; Điều 39 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); điểm a khoản 2 Điều 43; điểm b khoản 3 Điều 46 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP); khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 52; Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

d) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

đ) Thay thế cụm từ “Mẫu số 07” bằng cụm từ “Mẫu số 06” tại Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP).

2. Bãi bỏ khoản 3, khoản 5 Điều 27 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

3. Thay thế một số Phụ lục sau:

a) Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP bằng Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thay thế Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP bằng Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Điều 37, Điều 38 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 61 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về đo đạc và bản đồ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được giải quyết theo quy định tại Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

b) Trường hợp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hình thức hợp nhất, sáp nhập mà trong đó một hoặc nhiều đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thì tổ chức sau hợp nhất, sáp nhập được tiếp tục sử dụng giấy phép để thực hiện quyền và nghĩa vụ trong phạm vi giấy phép theo thời hạn của giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã cấp nhưng không quá 01 năm kể từ ngày tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).